

Số: 625/QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 (đợt 1)  
cho các trường trung học phổ thông tư thục năm học 2022 - 2023**

### **GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT); Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh của các trường THPT tư thục năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2022 - 2023 (đợt 1) cho 100 trường THPT tư thục tuyển mới 606 lớp và 27.270 học sinh, cụ thể như sau:

*(Có danh sách cơ sở giáo dục và chỉ tiêu giao đính kèm).*

**Điều 2.** Hiệu trưởng các trường THPT tư thục có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh đúng chỉ tiêu kế hoạch được giao, đúng quy chế và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội quy định.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường THPT tư thục có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố;
- Cục thuế TP, Công an TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Lưu VT, KHTC.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Thế Cường**

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT TƯ THỰC NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-SGDĐT ngày 29/4 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

| TT  | TÊN TRƯỜNG                        | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |        |        |        | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |        |        |        | Địa chỉ tuyển sinh                                                            |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|--------|--------|--------|------------------------------------------|------|------|------|----------|--------|--------|--------|-------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                   | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |        |        |        | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |        |        |        |                                                                               |
|     |                                   | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10    | L11    | L12    | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10    | L11    | L12    |                                                                               |
| (A) | (B)                               | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)    | (7)    | (8)    | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)   | (15)   | (16)   | (17)                                                                          |
|     | TỔNG CỘNG                         | 1.513                                    | 597 | 482 | 434 | 49.948   | 20.178 | 15.886 | 13.884 | 1.699                                    | 606  | 594  | 482  | 63.334   | 27.270 | 20.178 | 15.886 |                                                                               |
|     | KHU VỰC 1                         | 42                                       | 14  | 15  | 13  | 1.084    | 377    | 357    | 350    | 44                                       | 15   | 14   | 15   | 1.409    | 675    | 377    | 357    |                                                                               |
|     | BA ĐÌNH                           | 18                                       | 6   | 6   | 6   | 467      | 147    | 161    | 159    | 16                                       | 4    | 6    | 6    | 488      | 180    | 147    | 161    |                                                                               |
| 1   | THPT Hoàng Long                   | 18                                       | 6   | 6   | 6   | 467      | 147    | 161    | 159    | 16                                       | 4    | 6    | 6    | 488      | 180    | 147    | 161    | Số 347 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, Ba Đình                                 |
|     | TÂY HỒ                            | 24                                       | 8   | 9   | 7   | 617      | 230    | 196    | 191    | 28                                       | 11   | 8    | 9    | 921      | 495    | 230    | 196    |                                                                               |
| 2   | THPT Đông Đô                      | 10                                       | 3   | 3   | 4   | 300      | 104    | 81     | 115    | 11                                       | 5    | 3    | 3    | 410      | 225    | 104    | 81     | Số 8, phố Vòng Thị, phường Bưởi, Tây Hồ                                       |
| 3   | THPT Phan Chu Trinh               | 5                                        | 2   | 2   | 1   | 142      | 68     | 47     | 27     | 7                                        | 3    | 2    | 2    | 250      | 135    | 68     | 47     | Số 481 đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, Tây Hồ                                   |
| 4   | THPT Hà Nội Academy               | 7                                        | 2   | 3   | 2   | 168      | 54     | 65     | 49     | 7                                        | 2    | 2    | 3    | 209      | 90     | 54     | 65     | D45-D46 Khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, Tây Hồ                         |
| 5   | Trường song ngữ quốc tế Horizon   | 2                                        | 1   | 1   |     | 7        | 4      | 3      |        | 3                                        | 1    | 1    | 1    | 52       | 45     | 4      | 3      | Số 98 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An, Tây Hồ (Nhà A, Khách sạn Công Đoàn)       |
|     | KHU VỰC 2                         | 144                                      | 56  | 44  | 44  | 4.679    | 1.839  | 1.406  | 1.434  | 163                                      | 63   | 56   | 44   | 6.080    | 2.835  | 1.839  | 1.406  |                                                                               |
|     | HOÀN KIẾM                         | 25                                       | 9   | 7   | 9   | 766      | 276    | 206    | 284    | 31                                       | 15   | 9    | 7    | 1.157    | 675    | 276    | 206    |                                                                               |
| 6   | THPT Đinh Tiên Hoàng- Ba Đình     | 15                                       | 5   | 5   | 5   | 484      | 160    | 149    | 175    | 20                                       | 10   | 5    | 5    | 759      | 450    | 160    | 149    | Nhà C, số 10, phố Chương Dương Độ, phường Chương Dương, Hoàn Kiếm             |
| 7   | THPT Hồng Hà                      | 10                                       | 4   | 2   | 4   | 282      | 116    | 57     | 109    | 11                                       | 5    | 4    | 2    | 398      | 225    | 116    | 57     | Số 67, phố Lê Văn Hưu, phường Ngõ Thi Nhậm, Hoàn Kiếm                         |
|     | HAI BÀ TRƯNG                      | 119                                      | 47  | 37  | 35  | 3.913    | 1.563  | 1.200  | 1.150  | 132                                      | 48   | 47   | 37   | 4.923    | 2.160  | 1.563  | 1.200  |                                                                               |
| 8   | THCS & THPT Tạ Quang Bửu          | 40                                       | 14  | 14  | 12  | 1.267    | 454    | 449    | 364    | 38                                       | 10   | 14   | 14   | 1.353    | 450    | 454    | 449    | Tòa nhà C, số 94A, phố Lê Thanh Nghị, Hai Bà Trưng                            |
| 9   | TH, THCS&THPT Vinschool           | 34                                       | 13  | 9   | 12  | 976      | 356    | 248    | 372    | 37                                       | 15   | 13   | 9    | 1.279    | 675    | 356    | 248    | T37 - Khu đô thị Time City - 458 phố Minh Khai - Hai Bà Trưng                 |
| 10  | THPT Văn Hiến                     | 20                                       | 9   | 6   | 5   | 865      | 399    | 248    | 218    | 25                                       | 10   | 9    | 6    | 1.097    | 450    | 399    | 248    | Số 4 ngõ Chùa Hưng Ký, phường Minh Khai, Hai Bà Trưng (Ngõ 228 phố Minh Khai) |
| 11  | THPT Đồng Kinh                    | 10                                       | 3   | 4   | 3   | 364      | 120    | 139    | 105    | 13                                       | 6    | 3    | 4    | 529      | 270    | 120    | 139    | Số 310 Minh Khai (đi cổng 18C Tam Trinh), phường Minh Khai, Hai Bà Trưng      |
| 12  | THPT Hòa Bình - La Trobe - Hà Nội | 15                                       | 8   | 4   | 3   | 441      | 234    | 116    | 91     | 19                                       | 7    | 8    | 4    | 665      | 315    | 234    | 116    | Số 65 phố Cầm Hội, phường Đồng Mác, Hai Bà Trưng                              |
|     | KHU VỰC 3                         | 306                                      | 122 | 98  | 86  | 9.847    | 4.076  | 3.107  | 2.664  | 341                                      | 106  | 120  | 98   | 11.953   | 4.770  | 4.076  | 3.107  |                                                                               |
|     | ĐÓNG ĐÁ                           | 54                                       | 24  | 18  | 12  | 1.811    | 823    | 588    | 400    | 79                                       | 22   | 22   | 18   | 2.401    | 990    | 823    | 588    |                                                                               |

| TT  | TÊN TRƯỜNG                           | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |       |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |       |       |       | Địa chỉ tuyển sinh                                                |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------------------------------------------|------|------|------|----------|-------|-------|-------|-------------------------------------------------------------------|
|     |                                      | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |       |       |       | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |       |       |       |                                                                   |
|     |                                      | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10   | L11   | L12   | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10   | L11   | L12   |                                                                   |
| (A) | (B)                                  | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)   | (7)   | (8)   | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)  | (15)  | (16)  | (17)                                                              |
| 13  | THPT Bắc Hà - Đống Đa                | 6                                        | 4   | 1   | 1   | 217      | 141   | 33    | 43    | 9                                        | 4    | 4    | 1    | 354      | 180   | 141   | 33    | Số 1A ngõ 538 đường Láng - Đống Đa                                |
| 14  | THCS&THPT Alfred Nobel               | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 87       | 43    | 21    | 23    | 5                                        | 2    | 2    | 1    | 154      | 90    | 43    | 21    | Ngõ 14 phố Pháo đài Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa             |
| 15  | THCS&THPT TH Schoool                 | 6                                        | 2   | 2   | 2   | 59       | 20    | 20    | 19    | 20                                       | 1    |      | 2    | 85       | 45    | 20    | 20    | Số 4-6 phố Chùa Bộc, phường Quang Trung, Đống Đa                  |
| 16  | THPT Phùng Khắc Khoan                | 20                                       | 9   | 8   | 3   | 819      | 371   | 327   | 121   | 25                                       | 8    | 9    | 8    | 1.058    | 360   | 371   | 327   | Số 85, Lương Đình Cúa, phường Phương Mai, quận Đống Đa            |
| 17  | THPT Văn Lang                        | 18                                       | 7   | 6   | 5   | 629      | 248   | 187   | 194   | 20                                       | 7    | 7    | 6    | 750      | 315   | 248   | 187   | Số 160, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa               |
|     | CẦU GIẤY                             | 145                                      | 56  | 46  | 43  | 4.558    | 1.839 | 1.463 | 1.256 | 149                                      | 47   | 56   | 46   | 5.417    | 2.115 | 1.839 | 1.463 |                                                                   |
| 18  | THCS&THPT Nguyễn Siêu                | 17                                       | 8   | 4   | 5   | 497      | 219   | 133   | 145   | 18                                       | 6    | 8    | 4    | 622      | 270   | 219   | 133   | Phố Mạc Thái Tổ, phường Yên Hoà, Cầu Giấy                         |
| 19  | THPT Lý Thái Tổ                      | 30                                       | 10  | 9   | 11  | 952      | 377   | 259   | 316   | 27                                       | 8    | 10   | 9    | 996      | 360   | 377   | 259   | Số 165, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, Cầu Giấy                |
| 20  | PTDL Hermann Gmeiner Hà Nội          | 11                                       | 3   | 4   | 4   | 422      | 114   | 145   | 163   | 11                                       | 4    | 3    | 4    | 439      | 180   | 114   | 145   | Số 2, phố Đoàn Kế Thiện, phường Mai Dịch - Cầu Giấy               |
| 21  | THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy | 52                                       | 20  | 19  | 13  | 1.718    | 683   | 653   | 382   | 54                                       | 15   | 20   | 19   | 2.011    | 675   | 683   | 653   | Số 6, phố Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy          |
| 22  | TH, THCS, THPT Đa trí tuệ            | 8                                        | 3   | 2   | 3   | 199      | 82    | 43    | 74    | 9                                        | 4    | 3    | 2    | 305      | 180   | 82    | 43    | Lô TH2, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy |
| 23  | THPT Einstein                        | 13                                       | 5   | 4   | 4   | 371      | 152   | 120   | 99    | 15                                       | 6    | 5    | 4    | 542      | 270   | 152   | 120   | Số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa Cầu Giấy                  |
| 24  | THPT Lương Văn Can                   | 14                                       | 7   | 4   | 3   | 399      | 212   | 110   | 77    | 15                                       | 4    | 7    | 4    | 502      | 180   | 212   | 110   | Lô NT1, KĐT Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, Cầu Giấy             |
|     | THANH XUÂN                           | 107                                      | 42  | 34  | 31  | 3.478    | 1.414 | 1.056 | 1.008 | 113                                      | 37   | 42   | 34   | 4.135    | 1.665 | 1.414 | 1.056 |                                                                   |
| 25  | THPT Phan Bội Châu                   | 11                                       | 4   | 4   | 3   | 360      | 152   | 109   | 99    | 12                                       | 4    | 4    | 4    | 441      | 180   | 152   | 109   | Số 21, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân    |
| 26  | THPT Đào Duy Từ                      | 41                                       | 14  | 14  | 13  | 1.269    | 425   | 417   | 427   | 37                                       | 9    | 14   | 14   | 1.247    | 405   | 425   | 417   | Số 182 -Lương Thế Vinh-Thanh Xuân                                 |
| 27  | THPT Hoàng Mai                       | 7                                        | 4   | 1   | 2   | 233      | 150   | 30    | 53    | 11                                       | 6    | 4    | 1    | 450      | 270   | 150   | 30    | Số 54A2 phố Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân                            |
| 28  | THPT Huỳnh Thúc Kháng                | 32                                       | 14  | 10  | 8   | 1.197    | 527   | 373   | 297   | 34                                       | 10   | 14   | 10   | 1.350    | 450   | 527   | 373   | Số 131, phố Nguyễn Trãi, Thanh Xuân                               |
| 29  | THPT Hồ Tùng Mậu                     | 6                                        | 2   | 2   | 2   | 135      | 50    | 40    | 45    | 7                                        | 3    | 2    | 2    | 225      | 135   | 50    | 40    | Số 18, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, Thanh Xuân              |

| TT  | TÊN TRƯỜNG                           | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |       |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |       |       |       | Địa chỉ tuyển sinh                                            |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------------------------------------------|------|------|------|----------|-------|-------|-------|---------------------------------------------------------------|
|     |                                      | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |       |       |       | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |       |       |       |                                                               |
|     |                                      | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10   | L11   | L12   | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10   | L11   | L12   |                                                               |
| (A) | (B)                                  | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)   | (7)   | (8)   | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)  | (15)  | (16)  | (17)                                                          |
| 30  | THPT Nguyễn Tất Thành                | 10                                       | 4   | 3   | 3   | 284      | 110   | 87    | 87    | 12                                       | 5    | 4    | 3    | 422      | 225   | 110   | 87    | Số 54, phố Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân                         |
|     | KHU VỰC 4                            | 115                                      | 41  | 36  | 38  | 3.670    | 1.304 | 1.145 | 1.221 | 121                                      | 44   | 41   | 36   | 4.429    | 1.980 | 1.304 | 1.145 |                                                               |
|     | HOÀNG MAI                            | 59                                       | 21  | 18  | 20  | 1.844    | 657   | 549   | 638   | 65                                       | 26   | 21   | 18   | 2.376    | 1.170 | 657   | 549   |                                                               |
| 31  | THPT Phương Nam                      | 18                                       | 7   | 4   | 7   | 655      | 252   | 139   | 264   | 19                                       | 8    | 7    | 4    | 751      | 360   | 252   | 139   | Lô 18 khu đô thị Định Công - Hoàng Mai                        |
| 32  | THPT Trần Quang Khải                 | 3                                        | 1   | 1   | 1   | 93       | 24    | 29    | 40    | 4                                        | 2    | 1    | 1    | 143      | 90    | 24    | 29    | số 11, ngách 26, ngõ 1277, đường Giải phóng, Hoàng Mai        |
| 33  | THCS&THPT quốc tế Thăng Long         | 3                                        | 1   | 1   | 1   | 62       | 25    | 15    | 22    | 5                                        | 3    | 1    | 1    | 175      | 135   | 25    | 15    | Lô X1, Khu đô thị Bắc Linh Đàm- Hoàng Mai                     |
| 34  | THPT Nguyễn Đình Chiểu               | 6                                        | 2   | 2   | 2   | 207      | 72    | 68    | 67    | 7                                        | 3    | 2    | 2    | 275      | 135   | 72    | 68    | Lô 12 - Khu đô thị Đền Lừ II- phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai |
| 35  | THPT Hoàng Diệu                      | 9                                        | 3   | 3   | 3   | 198      | 71    | 64    | 63    | 10                                       | 4    | 3    | 3    | 315      | 180   | 71    | 64    | QĐ Số 422 phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai                       |
| 36  | THPT Mai Hắc Đế                      | 20                                       | 7   | 7   | 6   | 629      | 213   | 234   | 182   | 20                                       | 6    | 7    | 7    | 717      | 270   | 213   | 234   | Lô 2, khu 10A-Intecen, số 431 đường Tam Trinh, Hoàng Mai      |
|     | THANH TRÌ                            | 56                                       | 20  | 18  | 18  | 1.826    | 647   | 596   | 583   | 56                                       | 18   | 20   | 18   | 2.053    | 810   | 647   | 596   |                                                               |
| 37  | THCS-THPT Lương Thế Vinh<br>Chia ra: | 52                                       | 18  | 17  | 17  | 1.710    | 597   | 570   | 543   | 50                                       | 15   | 18   | 17   | 1.842    | 675   | 597   | 570   |                                                               |
|     | Cơ sở tại huyện Thanh Trì            | 28                                       | 10  | 9   | 9   | 899      | 308   | 310   | 281   | 27                                       | 8    | 10   | 9    | 978      | 360   | 308   | 310   | Thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì                    |
|     | Cơ sở tại quận Cầu Giấy              | 24                                       | 8   | 8   | 8   | 811      | 289   | 260   | 262   | 23                                       | 7    | 8    | 8    | 864      | 315   | 289   | 260   | Số 35 phố Đình Núp, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy           |
| 38  | THPT Lê Thánh Tông                   | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 116      | 50    | 26    | 40    | 6                                        | 3    | 2    | 1    | 211      | 135   | 50    | 26    | Thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì                   |
|     | KHU VỰC 5                            | 153                                      | 59  | 55  | 39  | 5.423    | 2.115 | 1.909 | 1.399 | 175                                      | 61   | 59   | 55   | 6.769    | 2.745 | 2.115 | 1.909 |                                                               |
|     | LONG BIÊN                            | 83                                       | 31  | 30  | 22  | 2.816    | 1.089 | 974   | 753   | 91                                       | 30   | 31   | 30   | 3.413    | 1.350 | 1.089 | 974   | -                                                             |
| 39  | THPT Lê Văn Thiêm                    | 31                                       | 12  | 10  | 9   | 1.319    | 514   | 419   | 386   | 32                                       | 10   | 12   | 10   | 1.383    | 450   | 514   | 419   | Số 44, phố Ô Cách, phường Đức Giang, Long Biên                |
| 40  | THPT Tây Sơn                         | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 137      | 92    | 20    | 25    | 8                                        | 5    | 2    | 1    | 337      | 225   | 92    | 20    | Số 17, ngõ 28, đường Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, Long Biên |
| 41  | THPT Wellspring - Mùa Xuân           | 16                                       | 6   | 5   | 5   | 298      | 115   | 96    | 87    | 15                                       | 4    | 6    | 5    | 391      | 180   | 115   | 96    | Số 95 phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, Long Biên                      |

| TT  | TÊN TRƯỜNG                                              | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |       |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |       |       |       | Địa chỉ tuyển sinh                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------------------------------------------|------|------|------|----------|-------|-------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                         | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |       |       |       | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |       |       |       |                                                                                                         |
|     |                                                         | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10   | L11   | L12   | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10   | L11   | L12   |                                                                                                         |
| (A) | (B)                                                     | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)   | (7)   | (8)   | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)  | (15)  | (16)  | (17)                                                                                                    |
| 42  | THPT Vạn Xuân - Long Biên                               | 13                                       | 5   | 4   | 4   | 501      | 203   | 143   | 155   | 15                                       | 6    | 5    | 4    | 616      | 270   | 203   | 143   | Số 56 phố Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, Long Biên                                                       |
| 43  | TH, THCS&THPT Vinschool The Harmony                     | 19                                       | 6   | 10  | 3   | 561      | 165   | 296   | 100   | 21                                       | 5    | 6    | 10   | 686      | 225   | 165   | 296   | Tại ô B8 THPT Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, đường Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, Long Biên |
|     | GIA LÂM                                                 | 70                                       | 28  | 25  | 17  | 2.607    | 1.026 | 935   | 646   | 84                                       | 31   | 28   | 25   | 3.356    | 1.395 | 1.026 | 935   |                                                                                                         |
| 44  | THPT Bắc Đuống                                          | 12                                       | 4   | 5   | 3   | 477      | 152   | 207   | 118   | 14                                       | 5    | 4    | 5    | 584      | 225   | 152   | 207   | Số 33 Đặng Phúc Thông, xã Yên Thường, Gia Lâm                                                           |
| 45  | THPT Lê Ngọc Hân                                        | 12                                       | 5   | 4   | 3   | 443      | 201   | 148   | 94    | 14                                       | 5    | 5    | 4    | 574      | 225   | 201   | 148   | Số 28/622 đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm                                                  |
| 46  | THPT Lý Thánh Tông                                      | 25                                       | 9   | 8   | 8   | 1.073    | 376   | 350   | 347   | 26                                       | 9    | 9    | 8    | 1.131    | 405   | 376   | 350   | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm                                                                              |
| 47  | THPT Tô Hiệu - Gia Lâm                                  | 8                                        | 3   | 3   | 2   | 321      | 130   | 118   | 73    | 11                                       | 5    | 3    | 3    | 473      | 225   | 130   | 118   | Số 163 đường Ý Lan, thôn Phú Thụy, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm                                            |
| 48  | TH-THCS-THPT Vinschool Ocean Park                       | 13                                       | 7   | 5   | 1   | 293      | 167   | 112   | 14    | 19                                       | 7    | 7    | 5    | 594      | 315   | 167   | 112   | Lô B3-TH01, B1-CS01, PT-02 Khu đô thị Gia Lâm, huyện Gia Lâm                                            |
|     | KHU VỰC 6                                               | 132                                      | 53  | 42  | 37  | 5.028    | 2.044 | 1.618 | 1.366 | 156                                      | 61   | 53   | 42   | 6.407    | 2.745 | 2.044 | 1.618 |                                                                                                         |
|     | SÓC SƠN                                                 | 59                                       | 25  | 19  | 15  | 2.603    | 1.114 | 833   | 656   | 72                                       | 28   | 25   | 19   | 3.207    | 1.260 | 1.114 | 833   |                                                                                                         |
| 49  | THPT Mạc Đĩnh Chi                                       | 17                                       | 8   | 5   | 4   | 766      | 351   | 237   | 178   | 23                                       | 10   | 8    | 5    | 1.038    | 450   | 351   | 237   | Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn                                                                   |
| 50  | THPT Lạc Long Quân                                      | 16                                       | 8   | 5   | 3   | 667      | 358   | 191   | 118   | 21                                       | 8    | 8    | 5    | 909      | 360   | 358   | 191   | Tổ 2, thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn                                                                         |
| 51  | THPT Lam Hồng                                           | 26                                       | 9   | 9   | 8   | 1.170    | 405   | 405   | 360   | 28                                       | 10   | 9    | 9    | 1.260    | 450   | 405   | 405   | Khối 5, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn                                                                        |
|     | ĐÔNG ANH                                                | 73                                       | 28  | 23  | 22  | 2.425    | 930   | 785   | 710   | 84                                       | 33   | 28   | 23   | 3.200    | 1.485 | 930   | 785   |                                                                                                         |
| 52  | THPT An Dương Vương                                     | 20                                       | 6   | 6   | 8   | 736      | 236   | 231   | 269   | 20                                       | 8    | 6    | 6    | 827      | 360   | 236   | 231   | Tổ 12, thị trấn Đông Anh, Đông Anh                                                                      |
| 53  | TH-THCS-THPT Archimedes Đông Anh                        | 14                                       | 5   | 4   | 5   | 361      | 145   | 104   | 112   | 13                                       | 4    | 5    | 4    | 429      | 180   | 145   | 104   | Xã Tiên Dương, Đông Anh                                                                                 |
| 54  | TH-THCS-THPT Chu Văn An<br>(tên gọi cũ THPT Ngô Tất Tố) | 13                                       | 5   | 5   | 3   | 462      | 179   | 169   | 114   | 15                                       | 5    | 5    | 5    | 573      | 225   | 179   | 169   | Thôn Bàu, xã Kim Chung, Đông Anh                                                                        |
| 55  | THPT Kinh Đô                                            | 9                                        | 3   | 4   | 2   | 347      | 125   | 136   | 86    | 12                                       | 5    | 3    | 4    | 486      | 225   | 125   | 136   | Thôn Ngoại, xã Uy Nỗ, Đông Anh                                                                          |
| 56  | THPT Ngô Quyền - Đông Anh                               | 14                                       | 6   | 4   | 4   | 466      | 192   | 145   | 129   | 16                                       | 6    | 6    | 4    | 607      | 270   | 192   | 145   | Thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, Đông Anh                                                                 |

| TT  | TÊN TRƯỜNG            | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |       |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |       |       |       | Địa chỉ tuyển sinh                                                             |
|-----|-----------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------------------------------------------|------|------|------|----------|-------|-------|-------|--------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |       |       |       | LỚP                                      |      |      |      | HOC SINH |       |       |       |                                                                                |
|     |                       | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10   | L11   | L12   | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10   | L11   | L12   |                                                                                |
| (A) | (B)                   | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)   | (7)   | (8)   | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)  | (15)  | (16)  | (17)                                                                           |
| 57  | THPT Phạm Ngũ Lão     | 3                                        | 3   |     |     | 53       | 53    |       |       | 8                                        | 5    | 3    | -    | 278      | 225   | 53    | -     | Thôn Địa, xã Nam Hồng, Đông Anh                                                |
|     | KHU VỰC 7             | 271                                      | 110 | 78  | 83  | 7.879    | 3.256 | 2.294 | 2.329 | 294                                      | 107  | 109  | 78   | 10.365   | 4.815 | 3.256 | 2.294 |                                                                                |
|     | BẮC TỪ LIÊM           | 123                                      | 57  | 31  | 35  | 3.360    | 1.576 | 882   | 902   | 134                                      | 46   | 57   | 31   | 4.528    | 2.070 | 1.576 | 882   |                                                                                |
| 58  | THPT Đoàn Thị Điểm    | 26                                       | 13  | 7   | 6   | 761      | 394   | 203   | 164   | 28                                       | 8    | 13   | 7    | 957      | 360   | 394   | 203   | Khu đô thị Bắc Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm.                         |
| 59  | THCS&THPT Dewey       | 2                                        | 2   |     |     | 27       | 27    |       |       | 4                                        | 2    | 2    | -    | 117      | 90    | 27    | -     | Ô đất H3-LC, Khu đô thị Tây Hồ Tây, phường Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm               |
| 60  | TH-THCS-THPT Everest  | 2                                        | 2   |     |     | 33       | 33    |       |       | 7                                        | 5    | 2    | -    | 258      | 225   | 33    | -     | Ngõ 106 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm                   |
| 61  | THPT Nguyễn Huệ       | 28                                       | 12  | 7   | 9   | 879      | 359   | 218   | 302   | 27                                       | 8    | 12   | 7    | 937      | 360   | 359   | 218   | KĐT Nam Cường, ngõ 234 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm          |
| 62  | THCS&THPT Hà Thành    | 24                                       | 10  | 6   | 8   | 604      | 277   | 178   | 149   | 23                                       | 7    | 10   | 6    | 770      | 315   | 277   | 178   | Số 36A đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm                      |
| 63  | THCS và THPT Newton   | 21                                       | 8   | 6   | 7   | 519      | 218   | 156   | 145   | 20                                       | 6    | 8    | 6    | 644      | 270   | 218   | 156   | Khu dự án TNR Godl Mark City, số 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm |
| 64  | THPT Tây Đô           | 2                                        | 2   |     |     | 33       | 33    |       |       | 5                                        | 3    | 2    | -    | 168      | 135   | 33    | -     | Đường Phú Minh, Tổ dân phố Phúc Lý 2, phường Minh Khai, Bắc Từ Liêm            |
| 65  | THPT Tây Hà Nội       | 2                                        | 2   |     |     | 33       | 33    |       |       | 4                                        | 2    | 2    | -    | 123      | 90    | 33    | -     | Tổ dân phố 12, phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm                     |
| 66  | THPT Việt Hoàng       | 16                                       | 6   | 5   | 5   | 471      | 202   | 127   | 142   | 16                                       | 5    | 6    | 5    | 554      | 225   | 202   | 127   | Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm                             |
|     | NAM TỪ LIÊM           | 121                                      | 43  | 39  | 39  | 3.684    | 1.346 | 1.184 | 1.154 | 126                                      | 45   | 42   | 39   | 4.555    | 2.025 | 1.346 | 1.184 |                                                                                |
| 67  | THCS&THPT Marie Curie | 36                                       | 14  | 11  | 11  | 1.116    | 433   | 344   | 339   | 34                                       | 9    | 14   | 11   | 1.182    | 405   | 433   | 344   | TH1, phố Trần Văn Lai, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm                           |
| 68  | THCS&THPT Lomonoxop   | 30                                       | 10  | 10  | 10  | 985      | 343   | 315   | 327   | 29                                       | 9    | 10   | 10   | 1.063    | 405   | 343   | 315   | Phố Trần Văn Cẩn, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm                                |
| 69  | THPT Olympia          | 7                                        | 3   | 2   | 2   | 241      | 101   | 73    | 67    | 9                                        | 4    | 3    | 2    | 354      | 180   | 101   | 73    | Khu đô thị mới Trung Văn, phố Tố Hữu, phường Trung Văn, Nam Từ Liêm            |
| 70  | THCS-THPT Phenikaa    | 1                                        | 1   |     |     | 21       | 21    |       |       | 5                                        | 5    |      |      | 246      | 225   | 21    | -     | Phố Tu Hoàng, phường Phương Canh, Nam Từ Liêm                                  |
| 71  | TH-THCS-THPT Sentia   | -                                        |     |     |     | -        |       |       |       | 1                                        | 1    |      |      | 45       | 45    | -     | -     | Khu đô thị Phùng Khoang, ngõ 19 đường Tố Hữu, phường Trung Văn, Nam Từ Liêm    |

| TT  | TÊN TRƯỜNG                                                | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |       |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |       |       |       | Địa chỉ tuyển sinh                                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-------|-------|-------|------------------------------------------|------|------|------|----------|-------|-------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                           | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |       |       |       | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |       |       |       |                                                                                                 |
|     |                                                           | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10   | L11   | L12   | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10   | L11   | L12   |                                                                                                 |
| (A) | (B)                                                       | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6)   | (7)   | (8)   | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)  | (15)  | (16)  | (17)                                                                                            |
| 72  | THPT Trí Đức                                              | 16                                       | 6   | 4   | 6   | 499      | 188   | 134   | 177   | 17                                       | 7    | 6    | 4    | 637      | 315   | 188   | 134   | Tổ dân phố số 5, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm                                          |
| 73  | THPT Trần Thánh Tông                                      | 15                                       | 4   | 7   | 4   | 446      | 138   | 204   | 104   | 15                                       | 4    | 4    | 7    | 522      | 180   | 138   | 204   | Đường Trung Văn, phường Trung Văn, Nam Từ Liêm (trong khuôn viên Trường Cao đẳng Xây dựng số 1) |
| 74  | THPT Xuân Thủy                                            | 6                                        | 2   | 2   | 2   | 149      | 52    | 52    | 45    | 7                                        | 3    | 2    | 2    | 239      | 135   | 52    | 52    | Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, Tu Hoàng, phường Phương Canh, Nam Từ Liêm               |
| 75  | THCS&THPT Việt - Úc Hà Nội                                | 10                                       | 3   | 3   | 4   | 227      | 70    | 62    | 95    | 9                                        | 3    | 3    | 3    | 267      | 135   | 70    | 62    | Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm                                              |
|     | HOÀI ĐỨC                                                  | 15                                       | 6   | 4   | 5   | 417      | 171   | 105   | 141   | 20                                       | 10   | 6    | 4    | 726      | 450   | 171   | 105   |                                                                                                 |
| 76  | THPT Bình Minh                                            | 11                                       | 4   | 3   | 4   | 318      | 127   | 79    | 112   | 13                                       | 6    | 4    | 3    | 476      | 270   | 127   | 79    | Xã Đức Thượng, Hoài Đức.                                                                        |
| 77  | THCS&THPT Phạm Văn Đồng                                   | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 99       | 44    | 26    | 29    | 7                                        | 4    | 2    | 1    | 250      | 180   | 44    | 26    | Lô A26, Geleximco, Nam An Khánh, đường Lê Trọng Tấn, xã An Khánh, Hoài Đức.                     |
|     | ĐAN PHƯỢNG                                                | 12                                       | 4   | 4   | 4   | 418      | 163   | 123   | 132   | 14                                       | 6    | 4    | 4    | 556      | 270   | 163   | 123   |                                                                                                 |
| 78  | THPT Green City Academy (tên cũ là THPT Nguyễn Trường Tộ) | 12                                       | 4   | 4   | 4   | 418      | 163   | 123   | 132   | 14                                       | 6    | 4    | 4    | 556      | 270   | 163   | 123   | Cụm 13 thôn Thượng Hội, xã Tân Hội, Đan Phượng                                                  |
|     | KHU VỰC 8                                                 | 46                                       | 17  | 15  | 14  | 1.731    | 673   | 566   | 492   | 51                                       | 19   | 17   | 15   | 2.094    | 855   | 673   | 566   |                                                                                                 |
|     | SON TÂY                                                   |                                          |     |     |     |          |       |       |       |                                          |      |      |      |          |       |       |       |                                                                                                 |
|     | PHÚC THỌ                                                  | 10                                       | 4   | 3   | 3   | 303      | 134   | 88    | 81    | 12                                       | 5    | 4    | 3    | 447      | 225   | 134   | 88    |                                                                                                 |
| 79  | Trường Phổ thông Hồng Đức                                 | 10                                       | 4   | 3   | 3   | 303      | 134   | 88    | 81    | 12                                       | 5    | 4    | 3    | 447      | 225   | 134   | 88    | Thôn Tây, xã Phụng Thượng, Phúc Thọ                                                             |
|     | BA VÌ                                                     | 36                                       | 13  | 12  | 11  | 1.428    | 539   | 478   | 411   | 39                                       | 14   | 13   | 12   | 1.647    | 630   | 539   | 478   |                                                                                                 |
| 80  | THPT Lương Thế Vinh - Ba Vì                               | 19                                       | 7   | 6   | 6   | 755      | 271   | 252   | 232   | 20                                       | 7    | 7    | 6    | 838      | 315   | 271   | 252   | Km 56, quốc lộ 32 thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, Ba Vì                                               |
| 81  | THPT Trần Phú - Ba Vì                                     | 17                                       | 6   | 6   | 5   | 673      | 268   | 226   | 179   | 19                                       | 7    | 6    | 6    | 809      | 315   | 268   | 226   | Thị trấn Tây Đằng, Ba Vì                                                                        |
|     | KHU VỰC 9                                                 | 123                                      | 48  | 40  | 35  | 4.197    | 1.654 | 1.404 | 1.139 | 122                                      | 34   | 48   | 40   | 4.588    | 1.530 | 1.654 | 1.404 |                                                                                                 |
|     | THẠCH THẮT                                                | 109                                      | 42  | 35  | 32  | 3.618    | 1.391 | 1.181 | 1.046 | 103                                      | 26   | 42   | 35   | 3.742    | 1.170 | 1.391 | 1.181 |                                                                                                 |
| 82  | THPT Phan Huy Chú - Thạch Thắt                            | 36                                       | 13  | 12  | 11  | 1.508    | 550   | 517   | 441   | 35                                       | 10   | 13   | 12   | 1.517    | 450   | 550   | 517   | Xã Bình Phú, huyện Thạch Thắt                                                                   |
| 83  | THCS&THPT TH School Hòa Lạc                               | 3                                        | 1   | 1   | 1   | 61       | 11    | 25    | 25    | 3                                        | 1    | 1    | 1    | 81       | 45    | 11    | 25    | Khu dịch vụ tổng hợp 1, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thắt                             |

| TT  | TÊN TRƯỞNG                           | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |          |       |       | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |       |      |          |      |      | Địa chỉ tuyển sinh |       |       |       |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|----------|-------|-------|------------------------------------------|-------|------|----------|------|------|--------------------|-------|-------|-------|
|     |                                      | LỚP                                      |     |     | HỌC SINH |       |       | LỚP                                      |       |      | HỌC SINH |      |      |                    |       |       |       |
|     |                                      | Tổng                                     | L10 | L11 | L12      | Tổng  | L10   | L11                                      | L12   | Tổng | L10      | L11  | L12  |                    |       |       |       |
| (A) | (B)                                  | (1)                                      | (2) | (3) | (4)      | (5)   | (6)   | (7)                                      | (8)   | (9)  | (10)     | (11) | (12) | (13)               | (14)  | (15)  | (16)  |
| 84  | THPT FPT                             | 70                                       | 28  | 22  | 20       | 2.049 | 830   | 639                                      | 580   | 65   | 15       | 28   | 22   | 2.144              | 675   | 830   | 639   |
|     | QUỐC OAI                             | 14                                       | 6   | 5   | 3        | 579   | 263   | 223                                      | 93    | 19   | 8        | 6    | 5    | 846                | 360   | 263   | 223   |
| 85  | Trường Phổ thông Nguyễn Trục         | 14                                       | 6   | 5   | 3        | 579   | 263   | 223                                      | 93    | 19   | 8        | 6    | 5    | 846                | 360   | 263   | 223   |
|     | KHU VỰC 10                           | 151                                      | 64  | 49  | 38       | 5.214 | 2.259 | 1.676                                    | 1.279 | 190  | 77       | 64   | 49   | 7.400              | 3.465 | 2.259 | 1.676 |
|     | HÀ ĐÔNG                              | 103                                      | 47  | 32  | 24       | 3.472 | 1.609 | 1.059                                    | 804   | 130  | 51       | 47   | 32   | 4.963              | 2.295 | 1.609 | 1.059 |
| 86  | THPT Ban Mai                         | 11                                       | 4   | 3   | 4        | 237   | 83    | 68                                       | 86    | 11   | 4        | 4    | 3    | 331                | 180   | 83    | 68    |
| 87  | THPT Hà Đông                         | 29                                       | 11  | 11  | 7        | 1.266 | 495   | 447                                      | 324   | 33   | 11       | 11   | 11   | 1.437              | 495   | 495   | 447   |
| 88  | THPT H.A.S                           | 8                                        | 4   | 2   | 2        | 131   | 68    | 32                                       | 31    | 13   | 7        | 4    | 2    | 415                | 315   | 68    | 32    |
| 89  | THCS-THPT Marie Curie - Hà Đông      | 11                                       | 10  | 1   |          | 331   | 311   | 20                                       |       | 21   | 10       | 10   | 1    | 781                | 450   | 311   | 20    |
| 90  | TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản        | 2                                        | 1   | 1   |          | 28    | 16    | 12                                       |       | 5    | 3        | 1    | 1    | 163                | 135   | 16    | 12    |
| 91  | THPT Ngô Gia Tự                      | 22                                       | 9   | 7   | 6        | 813   | 353   | 251                                      | 209   | 24   | 8        | 9    | 7    | 964                | 360   | 353   | 251   |
| 92  | THPT Xa La                           | 14                                       | 5   | 6   | 3        | 510   | 197   | 199                                      | 114   | 16   | 5        | 5    | 6    | 621                | 225   | 197   | 199   |
| 93  | Phổ thông quốc tế Việt Nam           | 6                                        | 3   | 1   | 2        | 156   | 86    | 30                                       | 40    | 7    | 3        | 3    | 1    | 251                | 135   | 86    | 30    |
|     | CHƯƠNG MỸ                            | 24                                       | 8   | 8   | 8        | 767   | 221   | 264                                      | 282   | 30   | 14       | 8    | 8    | 1.115              | 630   | 221   | 264   |
| 94  | THPT Đặng Tiến Đông                  | 6                                        | 2   | 2   | 2        | 224   | 84    | 51                                       | 89    | 10   | 6        | 2    | 2    | 405                | 270   | 84    | 51    |
| 95  | THPT Ngô Sỹ Liên                     | 18                                       | 6   | 6   | 6        | 543   | 137   | 213                                      | 193   | 20   | 8        | 6    | 6    | 710                | 360   | 137   | 213   |
|     | THANH OAI                            | 24                                       | 9   | 9   | 6        | 975   | 429   | 353                                      | 193   | 30   | 12       | 9    | 9    | 1.322              | 540   | 429   | 353   |
| 96  | THPT IVS (tên cũ Bắc Hà - Thanh Oai) | 12                                       | 5   | 4   | 3        | 458   | 224   | 157                                      | 77    | 14   | 5        | 5    | 4    | 606                | 225   | 224   | 157   |
| 97  | THPT Thanh Xuân                      | 12                                       | 4   | 5   | 3        | 517   | 205   | 196                                      | 116   | 16   | 7        | 4    | 5    | 716                | 315   | 205   | 196   |

| TT  | TÊN TRƯỜNG                         | Thực hiện năm học 2021-2022 (28/01/2022) |     |     |     |          |     |     |     | Kế hoạch lớp, học sinh năm học 2022-2023 |      |      |      |          |      |      |      | Địa chỉ tuyển sinh                               |
|-----|------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|-----|----------|-----|-----|-----|------------------------------------------|------|------|------|----------|------|------|------|--------------------------------------------------|
|     |                                    | LỚP                                      |     |     |     | HỌC SINH |     |     |     | LỚP                                      |      |      |      | HỌC SINH |      |      |      |                                                  |
|     |                                    | Tổng                                     | L10 | L11 | L12 | Tổng     | L10 | L11 | L12 | Tổng                                     | L10  | L11  | L12  | Tổng     | L10  | L11  | L12  |                                                  |
| (A) | (B)                                | (1)                                      | (2) | (3) | (4) | (5)      | (6) | (7) | (8) | (9)                                      | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14) | (15) | (16) | (17)                                             |
|     | KHU VỰC 11                         | 26                                       | 11  | 9   | 6   | 1.068    | 510 | 370 | 188 | 34                                       | 14   | 11   | 9    | 1.510    | 630  | 510  | 370  |                                                  |
|     | THƯỜNG TÍN                         | 10                                       | 5   | 3   | 2   | 444      | 239 | 137 | 68  | 14                                       | 6    | 5    | 3    | 646      | 270  | 239  | 137  |                                                  |
| 98  | THPT Phùng Hưng                    | 10                                       | 5   | 3   | 2   | 444      | 239 | 137 | 68  | 14                                       | 6    | 5    | 3    | 646      | 270  | 239  | 137  | Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín            |
|     | PHÚ XUYỀN                          | 16                                       | 6   | 6   | 4   | 624      | 271 | 233 | 120 | 20                                       | 8    | 6    | 6    | 864      | 360  | 271  | 233  |                                                  |
| 99  | THPT Nguyễn Bình Khiêm - Phú Xuyên | 16                                       | 6   | 6   | 4   | 624      | 271 | 233 | 120 | 20                                       | 8    | 6    | 6    | 864      | 360  | 271  | 233  | Xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên                    |
|     | KHU VỰC 12                         | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 128      | 71  | 34  | 23  | 8                                        | 5    | 2    | 1    | 330      | 225  | 71   | 34   |                                                  |
|     | ỨNG HÒA                            | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 128      | 71  | 34  | 23  | 8                                        | 5    | 2    | 1    | 330      | 225  | 71   | 34   |                                                  |
| 100 | THPT Nguyễn Thượng Hiền - Ứng Hòa  | 4                                        | 2   | 1   | 1   | 128      | 71  | 34  | 23  | 8                                        | 5    | 2    | 1    | 330      | 225  | 71   | 34   | Số 2, đường đê, Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa |